

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 31/5/ 2024
“V/v: *Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Như Hải;

Ông Phùng Văn Thị.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài L - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Việt Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, về: “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và xác định con chung trong thời kỳ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Hán Đức N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu 10, xã VL, huyện TB, tỉnh PT;

* **Bị đơn:** Chị **Phan Thị Hồng M**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 13, xã HC, huyện TB, tỉnh PT.

(*Anh N có mặt, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa nguyên đơn là anh **Vũ Đức N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 142/2018/DSST-HNGĐ ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, đã Quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M; Về con chung: Giao cho chị M được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hán Thị DC, sinh ngày 18/6/2017. Sau khi ly hôn, thì anh N và chị M về chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn và có

thêm với nhau 01 con chung là cháu Phan DL, sinh ngày 07/3/2022. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Gia đình đã hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh đề nghị Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh N và chị M có 02 con chung là:

+ Cháu Hán Thị DC, sinh ngày 18/6/2017 đã được Toà án giải quyết cho chị Phan Thị Hồng M trực tiếp nuôi con theo Quyết định số 142/2018/HNGĐ ngày 06/11/2018 của Toà án nhân dân huyện TB. Tại đơn khởi kiện anh N đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung (cháu DC) từ chị M để anh được trực tiếp nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh N đã rút yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

+ Cháu Phan DL, sinh ngày 07/3/2022 đây là con chung của anh N, chị M được sinh ra trong thời kỳ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh N và chị M đều xác định, thống nhất thoả thuận: Cháu Phan DL là con chung của anh N và chị M được sinh ra trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và Giao cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan DL. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung các vấn đề khác: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là chị Phan Thị Hồng M trình bày:*

Chị M nhất trí với nội dung xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh N về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Đối với các nội dung về quan hệ hôn nhân, về con chung như anh N đã trình bày ở trên, chị M và anh N đã thống nhất và được ghi nhận trong Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2024. Chị M nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh N, về yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và thống nhất, xác định cháu Phan DL là con chung của anh N và chị M được sinh ra trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và Giao cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan DL.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M.

[2] Về con chung: Công nhận sự thoả thuận và xác định cháu Phan DL,

sinh ngày 07/3/2022 (hiện đang ở cùng anh N) là con chung giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M và anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan DL. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh N không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hán Đức N về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phan Thị Hồng M cư trú trên địa bàn huyện TB, tỉnh PT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là chị Phan Thị Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 142/2018/DSST-HNGĐ ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, đã Quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M; Sau khi ly hôn, thì anh N và chị M về chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống từ khoảng năm 2019 đến năm 2023 thì anh N và chị M phát sinh mâu thuẫn không chung sống với nhau nữa, nay anh N và chị M đều đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét anh N và chị M đã không sống cùng với nhau, không còn quan hệ về tình cảm, do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh N và chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M xác định anh chị có 02 con chung là Hán Thị DC, sinh ngày 18/6/2017 và Phan DL, sinh ngày 07/3/2022.

Anh N và chị M đã thỏa thuận về việc nuôi cháu C và được ghi nhận trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 142 ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB. Anh N rút yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu C nên cần đình chỉ yêu cầu này của anh N là đúng quy định pháp luật.

Đối với cháu Phan DL; Anh N và chị M đều xác định là con chung của anh N và chị M và thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện tại, cháu L đang ở cùng anh N). Xét thấy, việc thỏa thuận của anh N và chị M là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 và khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác*: Anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí sơ thẩm*: Anh Hán Đức N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ để xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Các Điều 14, 15, 16, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hán Đức N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận và xác định cháu Phan DL, sinh ngày 07/3/2022 (hiện đang ở cùng anh N) là con chung giữa anh Hán Đức N và chị Phan Thị Hồng M và anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan DL. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh N không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hán Đức N về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền anh N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001861 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

[6]. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- C cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Bình Luyện

